| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2017/DS-ST
Ngày: 30-5-2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Quan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T; Địa chỉ trụ sở: Tầng 1-7, Tòa nhà Thủ Đô, số 72 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Lê Hiền T - Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho Phòng An ninh và Phòng Kiểm soát gian lận, Phòng Thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (Văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10 tháng 8 năm 2016).

Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho bà Đặng Thị Bạch L; Địa chỉ cư trú: Số nhà 353/25 ấp Phước Ngươn A, xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền số 204/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 26 tháng 10 năm 2016); có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Thành T; Địa chỉ cư trú: Số nhà 55/2 đường Lê Văn Tám, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2016 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án

cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Đặng Thị Bạch L là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02 tháng 4 năm 2014, ông Lê Thành T ký hợp đồng tín dụng số 20140404-126003-0002 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T, vay số tiền 31.500.000 đồng, với lãi suất 3,75%/tháng, để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 57.904.000 đồng (gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.609.000 đồng, tháng cuối trả 1.589.000 đồng, thanh toán vào ngày 04 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 04 tháng 5 năm 2014.

Thực hiện theo hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân, thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T được 06 tháng với số tiền 9.654.000 đồng (1.609.000 đồng x 6). Kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2014 đến nay, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thành T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T. Cụ thể:

Toàn bộ khoản nợ tới hạn: 48.250.000 đồng (gốc 28.680.520 đồng, lãi 19.569.480 đồng).

Tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2017 với lãi suất 1,125%/tháng. Tiền lãi được tính như sau: {28.680.520 đồng x 1,125%/tháng x 55 ngày (từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2017)} : 30 = 591.534 đồng.

Tổng cộng toàn bộ khoản nợ tới hạn và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh mà ông Lê Thành T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T là 48.841.500 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Thành T thừa nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền là 48.841.500 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 700.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Thành T ký hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T nhằm mục đích tiêu dùng chứ không nhằm mục đích kinh doanh, không làm phát sinh lợi nhuận, đây là vụ án dân sự về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, ông Lê Thành T thừa nhận ngày 04 tháng 4 năm 2014, ông T được Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T phê duyệt được vay số tiền 31.500.000 đồng, đã nhận đủ số tiền vay, ông T thanh toán cho Ngân hàng được 06 tháng, với số tiền 9.654.000 đồng (1.609.000 đồng x 6). Theo thỏa thuận hợp đồng tính đến ngày 04 tháng 4 năm 2017 ông T còn nợ 48.250.000 đồng (gốc 28.680.520 đồng, lãi 19.569.480 đồng).

Ngoài ra ông T còn thống nhất trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2017 (ngày xét xử sơ thẩm) với số tiền lãi là 591.534 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Đối với việc ông T xin trả dần mỗi tháng 700.000 đồng, ông T không có khả năng trả một lần. Xét thấy, người đại diện của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của ông T về việc xin trả dần, yêu cầu trả một lần nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T.

Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T, ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông T phải chịu án phí trên số tiền mà ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T, được tính như sau: 48.841.500 đồng x 5% = 2.442.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

*Về nội dung:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T.

Buộc ông Lê Thành T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T khoản nợ tới hạn 48.250.000đ (Bốn mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc 28.680.520đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm hai mươi đồng), tiền lãi 19.569.480đ (Mười chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh tạm tính từ ngày 05/4/2017 đến ngày 30/5/2017 là 591.500đ (Năm trăm chín mươi mốt

nghìn năm trăm đồng), tổng cộng là 48.841.500đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

*Về án phí:*

Buộc ông Lê Thành T phải chịu 2.442.000đ (Hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T 1.177.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002324 ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

*Về nghĩa vụ thi hành án:*

Ông Lê Thành T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Quan**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPVL;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TPVL:
- Lưu hồ sơ.